

VẤN ĐỀ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH TIN HỌC ỨNG DỤNG KHÓA 2010, ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ThS. Huỳnh Lê Uyên Minh

Khoa Sư phạm Toán-Tin, Trường Đại học Đồng Tháp

Email: hluminh@dthu.edu.vn

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Dung, ThS. Trần Kim Hương

Khoa Sư phạm Toán-Tin, Trường Đại học Đồng Tháp

Tóm tắt. *Hiện nay, vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được gia đình, nhà trường, chính quyền và xã hội quan tâm. Trong báo cáo này, chúng tôi tìm hiểu thực trạng việc làm của sinh viên ngành tin học ứng dụng sau khi tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề ra một số giải pháp nhằm giúp cho việc đào tạo của nhà trường đáp ứng được yêu cầu việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.*

1. Mở đầu

Thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là vấn đề thu hút sự quan tâm chú ý của người học, gia đình, nhà trường và xã hội. Thực tế cho thấy, số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp của ngành Tin học tìm được việc làm đúng ngành đào tạo ngày càng ít đi, trong khi nhu cầu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp lại rất nhiều. Điều này không những tác động không tốt cho sinh viên đã ra trường mà còn ảnh hưởng bất lợi đến tâm lý chung của sinh viên ngành Tin học còn đang học, thậm chí cũng ảnh hưởng đến các em học sinh đang chuẩn bị lựa chọn ngành nghề vào cao đẳng, đại học.

Do đó, chúng tôi muốn tìm hiểu các nguyên nhân từ đó đề xuất các biện pháp nhằm góp phần giải quyết vấn đề việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành Tin học, trường Đại học Đồng Tháp.

2. Kết quả chính

2.1. Hệ thống việc làm cho sinh viên ngành Tin học

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các công ty chuyên về lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), hoặc trong bất cứ doanh nghiệp, công ty nào. Thậm chí có thể làm một chuyên gia CNTT (IT) tự do – dạng công việc đang được nhiều bạn trẻ ưa chuộng hiện nay. Nhìn chung, sau khi tốt nghiệp ngành Tin học sinh viên có thể tìm việc tại

(1) *Các công ty phần mềm:* Hiện nay, phát triển phần mềm là lĩnh vực CNTT mạnh nhất ở Việt Nam và thu hút lực lượng nhân lực tham gia đông đảo nhất.

(2) *Các công ty sản xuất, lắp ráp, sửa chữa trang thiết bị phần cứng:* Những người làm trong lĩnh vực này có khả năng chế tạo, sửa chữa hay lắp ráp, lắp đặt các thiết bị, linh kiện của máy tính như ổ cứng, bo mạch, bộ vi xử lý.

(3) *Các công ty cung cấp giải pháp tích hợp:* Đây là một lĩnh vực mới đầy thách thức nhưng cũng nhiều hứa hẹn trong tương lai. Công việc này đòi hỏi các

chuyên gia phải am hiểu cả phần cứng và phần mềm, có khả năng thiết kế các giải pháp trọn gói cho một công ty, tổ chức dựa trên những yêu cầu cụ thể.

(4) *Các công ty cung cấp giải pháp về mạng và an ninh mạng*: Với sự phát triển “thần tốc” của Internet tại Việt Nam và cả những vấn đề về an ninh mạng như virus, hacker,... lĩnh vực này đang mở ra những cơ hội lớn. Người làm công tác quản trị hệ thống và an ninh mạng có nhiệm vụ bảo đảm cho hệ thống vận hành suôn sẻ, giải quyết sự cố cho hệ thống mạng, đảm bảo an toàn và bảo mật cho dữ liệu.

(5) *Bộ phận quản trị, bộ phận IT tại các công ty*, kể cả công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và các lĩnh vực khác.

(6) *Văn thư lưu trữ, nghiệp vụ văn phòng, nhân viên kỹ thuật,...*

Nhìn chung, nhiều ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng nhân viên chuyên ngành Tin học. Đây là cơ hội lớn để sinh viên sau khi ra trường có thể tìm được công việc phù hợp với chuyên ngành.

2.2. Thực trạng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành Tin học, khoa SP Toán – Tin

Khoảng ba năm trở lại đây, lĩnh vực Tin học được đào tạo tại trường Đại học Đồng Tháp có xu hướng giảm dần. Nhưng sau khi tốt nghiệp ngành học này, sinh viên đã tìm được việc làm với tỉ lệ tương đối khả quan. Dưới đây là bảng kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên ngành Tin học ứng dụng khóa 2010 (78 phiếu khảo sát):

Bảng 1. Lĩnh vực làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực việc làm	Tỉ lệ phần trăm
1	Kỹ thuật viên, Lập trình viên Công nghệ thông tin	22% (17/78)
2	Giáo dục	6% (5/78)
3	Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng	12% (9/78)
4	Thương mại, dịch vụ	19% (15/78)
5	Tín dụng, tài chính	3% (2/78)
7	Khác	12% (9/78)
Tổng số		73%

Dựa vào kết quả khảo sát trên Bảng 1 cho thấy, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường tìm được việc làm là 73%, tỉ lệ chưa tìm được việc là 19% và sinh viên tiếp tục học tập nâng cao trình độ 8%. Trong đó, tỉ lệ sinh viên làm đúng chuyên ngành khoảng 40% trên tổng số lượng khảo sát bao gồm (1) Lĩnh vực lập trình viên và kỹ thuật viên CNTT chiếm 22% (17/78); (2) Lĩnh vực giáo dục, trong lĩnh vực này sinh viên thường phụ trách các mảng kỹ thuật tin học cho trường phổ thông hoặc giảng dạy tin học cấp tiểu học hay cấp trung học cơ sở; (3) Lĩnh vực quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, trong ngành này phần lớn

sinh viên phụ trách mảng lưu trữ, kỹ thuật, an ninh. Tỷ lệ sinh viên làm việc trái chuyên ngành khoảng 22%, các lĩnh vực này phần lớn là tiếp thị sản phẩm, nhân viên bán hàng ở các cửa hàng thiết bị công nghệ (19%) và một bộ phận nhỏ làm nhân viên kế toán (3%) ở các cửa hàng nhỏ. Một tỷ lệ không nhỏ khoảng 12% sinh viên chấp nhận làm những việc không cần bằng cấp tạm thời để chờ cơ hội tìm kiếm việc làm khác. Vì thế, có không ít sinh viên (khoảng 8%) đã chọn giải pháp là học tiếp, học liên thông hay học văn bằng hai với hi vọng sẽ kiếm một công việc tốt hơn.

Bảng 2. Nơi làm việc và lĩnh vực làm việc

STT	Nơi làm việc	Lĩnh vực làm việc	Tỷ lệ phần trăm
1	Tại địa phương của sinh viên	Giáo dục	6% (5/78)
		Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng	12% (9/78)
		Kỹ thuật viên, Lập trình viên	5% (4/78)
		Thương mại, dịch vụ	3% (2/78)
2	Gần trường Đại học Đồng Tháp	Kỹ thuật viên, Lập trình viên	12% (9/78)
		Thương mại, dịch vụ	8% (6/78)
		Tín dụng, tài chính	3% (2/78)
3	Các thành phố lớn	Kỹ thuật viên, Lập trình viên	5% (4/78)
		Thương mại, dịch vụ	9% (7/78)
		Khác	9% (7/78)

Khảo sát nơi làm việc và lĩnh vực làm việc của sinh viên ở Bảng 2 cho thấy rằng: (1) Các việc làm tại địa phương – nơi sinh sống của sinh viên chiếm khoảng 26% thuộc lĩnh vực như là giáo dục, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng (18%) với mức lương khiêm tốn (dưới 3 triệu), một số ít phụ trách kỹ thuật cho các cửa hàng nhỏ lẻ ở địa phương (8%); (2) Các việc làm gần nơi đào tạo khoảng 31% phần lớn thuộc các lĩnh vực kỹ thuật viên, lập trình viên (12%), các bạn có mơ ước tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn muốn học tiếp để nâng cao trình độ (8%), một số sinh viên muốn làm việc gần nơi học tập nên chấp nhận làm các công việc trái lĩnh vực (11%); (3) Ngoài ra, một bộ phận không nhỏ sinh viên muốn tìm kiếm cơ hội việc làm với thu nhập cao hơn ở các thành phố lân cận và thành phố lớn (24%), đối với những nơi thành thị chỉ một số ít sinh viên tìm được việc làm đúng chuyên ngành (5%), còn lại số đông sinh viên phải chấp nhận công việc khác (18%) để kiếm tiền ở lại thành phố rồi tìm việc ổn định về sau.

2.3. Nguyên nhân

Qua các kết quả khảo sát trên cho thấy sinh viên sau khi tốt nghiệp không phải ai cũng có thể tìm được công việc đúng ngành nghề đào tạo và phải chấp nhận công việc trái ngành, miễn sao có được việc làm, đồng thời còn tồn tại khoảng 27% tổng số sinh viên khảo sát là không tìm được việc hoặc chưa tìm được việc hoặc không chấp nhận mức lương thấp và bỏ việc. Thông qua kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp ngành tin học ứng dụng của khóa 2010, tìm hiểu quá trình đào tạo cũng như việc đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên, cả các vấn đề liên quan đến khả năng xin việc làm của sinh viên, có thể kể đến các nguyên nhân sau:

2.3.1 Về phía sinh viên

Năng lực: trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa thật sự được đánh giá cao, nguyên nhân không phải do các bạn không có khả năng mà là do các bạn chưa định hướng rõ ràng xem mình muốn làm việc ở lĩnh vực nào sau khi ra trường, vì CNTT là rất rộng, do đó các bạn chỉ lo học với mục tiêu là giải quyết tốt vấn đề điểm số sao cho qua môn học hoặc đạt điểm cao mà không định hướng để chuẩn bị những kiến thức chuyên sâu cho nghề nghiệp sau này. Điều đó dẫn đến việc khi tiếp xúc thực tế với công việc, sinh viên thường gặp lúng túng, thậm chí cảm thấy công việc mình tiếp nhận quá mới mẻ.

Kỹ năng mềm: vấn đề kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cũng như các kỹ năng mềm cần thiết chưa được sinh viên chú trọng và chưa được định hướng tốt. Đa phần khi ra trường các bạn thiếu kinh nghiệm thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xin việc hay chưa nhận thức rõ lĩnh vực hành nghề của bản thân.

Kỳ vọng, lý tưởng hóa công việc: đa phần sinh viên đều bị động sau khi tốt nghiệp, nguyên nhân do các bạn luôn mong muốn tìm một việc làm đúng chuyên ngành đào tạo và cũng không chấp nhận mức lương thấp, các bạn thường có tâm lý tìm kiếm một công việc thật hoàn hảo ở một công ty hay cơ quan nhà nước. Khi mới ra trường, các bạn tuy có kiến thức nhưng lại thiếu kinh nghiệm cũng như các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc, trong khi công việc ở những vị trí quan trọng, vị trí tốt đòi hỏi phải có sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố này.

Tâm lý: do tâm lý muốn làm việc gần nhà, đa phần mong muốn tìm được việc làm gần nhà hay gần nơi mình học tập. Thực tế cho thấy nhu cầu tuyển dụng nhân viên ngành Tin học tại địa phương ngày càng bão hòa, ngay cả các cơ quan nhà nước. Mặt khác, nhân viên các cơ quan ban ngành có xu hướng học văn bằng 2 để đáp ứng yêu cầu của công việc, vì vậy vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp càng gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra còn có nguyên nhân khách quan khác, tại Đồng Tháp chưa có các công ty lớn, các cơ quan chuyên về lĩnh vực CNTT, nên việc định hướng nghề nghiệp cho sinh viên hay lựa chọn địa điểm thực tập thực tế gặp nhiều khó khăn.

2.3.2 Về phía Khoa - Nhà trường

Môi trường đại học là môi trường tạo cho người học tính chủ động, sáng tạo, nghiên cứu tìm tòi để phát hiện ra cái mới, tạo ra các sản phẩm ứng dụng phục vụ thực tế cho xã hội. Chính vì vậy, hiện nay có nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết

Chương trình đào tạo vẫn còn nhiều môn học mang nặng tính lý thuyết, ít thực hành, mặc dù chương trình đào tạo cũng được cập nhật thường xuyên nhưng công nghệ phát triển nhanh chóng như hiện nay, khoa và nhà trường chưa đủ

kinh phí để thay đổi toàn diện (về trang thiết bị, về nguồn nhân lực). Chính vì vậy, nhiều sinh viên tốt nghiệp loại trung bình khá ảnh hưởng đến khả năng xin việc.

Đội ngũ giảng viên bộ môn Tin học tuổi đời tương đối trẻ (trung bình 30 – 40), đội ngũ này thường xuyên đi học tập nâng cao trình độ. Vì thế nhiều giảng viên phải nghiên cứu lĩnh vực mới nên chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa được tham gia các khoá tập huấn ngắn hạn về lĩnh vực mới và đặc biệt là kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở tuyển dụng.

Mặt khác, hầu hết các nhà tuyển dụng đều muốn giữ công nghệ riêng của chính mình, thường không muốn chia sẻ công nghệ với nhà đào tạo, vì thế việc tiếp cận các công nghệ mới giữa nhà tuyển dụng với nhà trường còn hạn chế.

2.4. Đề xuất

2.4.1. Đối với sinh viên

Năng lực: Ngoài việc trao dồi các kiến thức trên lớp, sinh viên cần tăng cường việc thực hành, tự học, tự nghiên cứu. Các kiến thức, năng lực của sinh viên đa phần không tự nhiên có mà sinh viên có thể rèn luyện bằng nhiều cách thể hiện qua các môn học làm đồ án hay làm bài tập lớn. Sinh viên phải nâng cao khả năng tự học từ các phương tiện giáo trình, tài liệu tham khảo mà giảng viên giảng dạy cung cấp hoặc khai thác dữ liệu điện tử không lồ trên internet. Việc tích lũy dần các kiến thức trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên làm giàu kiến thức của mình, và cũng hình thành tư duy nhạy bén, tư duy suy luận (logic) biết giải quyết vấn đề và khả năng tiếp cận công nghệ mới.

Rèn luyện các kỹ năng: Ngoài kiến thức chuyên ngành, sinh viên cũng cần rèn luyện các kỹ năng cần thiết phục vụ cho việc học tập như việc xây dựng kế hoạch tự học, cách đọc các loại tài liệu giáo trình liên quan, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết các vấn đề. Đồng thời sinh viên cần trau dồi ngoại ngữ để có thể bắt kịp xu hướng công nghệ tiên tiến mới nổi như hiện nay.

Định hướng nghề nghiệp: trước tiên sinh viên phải có định hướng việc làm tương lai ngay trong thời gian học tập, để tìm cách tiếp cận với thực tế công việc đó. Tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng ở khu vực xung quanh nơi mình học hoặc lắng nghe thông tin việc làm từ các cựu sinh viên (thông tin này thường thực tế và cần thiết). Sinh viên cũng có thể chọn giải pháp làm bán thời gian cho một số cơ sở gần trường hoặc học hỏi kinh nghiệm từ người quen để biết bản thân thiếu, yếu những khía cạnh nào để tự khắc phục từ đó định hướng công việc tương lai.

Kỹ năng mềm: Cư dân mạng hay truyền cho nhau câu “sinh viên ngành CNTT càng nhiều kỹ năng mềm càng sáng giá”, có thể liệt kê một số kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên CNTT sau khi tốt nghiệp (1) Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề, lúc học tại trường, sinh viên tin học đã được giảng viên hướng dẫn cách tổ chức làm việc nhóm thông qua các bài tập lớn, đồ án, bài tập tự nghiên cứu hay giải quyết các vấn đề liên quan. Sinh viên cần thật sự tích cực trong các hoạt động học tập, trao đổi, tránh thói quen “làm cho có” để đủ điểm của môn học nào đó, và nếu điều này được luyện tập thường xuyên là một phương pháp tốt để sinh viên có thể dần hình thành các kỹ năng làm việc nhóm nhằm phối hợp ăn ý với các thành viên khác, giải quyết xung đột phát sinh một cách tốt nhất; (2) Kỹ năng giao tiếp, người làm bên CNTT giỏi về tư duy logic, làm việc bài bản và độc lập, tuy nhiên họ lại thường hạn chế trong giao tiếp, kỹ

năng trình bày và sự thuyết phục, do đó sinh viên cũng cần tích cực tham gia vào các hoạt động khác của khoa và nhà trường, điều này hoàn toàn có lợi và giúp sinh viên dần hình thành các kỹ năng giao tiếp, tạo mối quan hệ tốt với mọi người; (3) Ngoài ra, sinh viên cũng cần trang bị thêm những kỹ năng khác để chuẩn bị tốt hành trang khi tốt nghiệp như kỹ năng phỏng vấn - xin việc làm, kỹ năng biết lắng nghe và chấp nhận phê bình, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải tỏa căng thẳng, hay kỹ năng quản lý thời gian. Để có được những kỹ năng này đòi hỏi sinh viên phải thật sự chủ động tích cực tìm hiểu qua các kênh thông tin như sách, báo, bạn bè, người thân, trên internet,... đồng thời phải học tập thật tốt và tham gia tương tác với bạn bè, với cựu sinh viên, với những người xung quanh trong công việc cũng như học tập, hoặc có thể tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài trường (nếu có) để tích lũy cho bản thân; (4) Kỹ năng hoạch định tương lai, phải tự xây dựng kế hoạch định hướng sẽ làm các công việc gì và từ đó cần tìm hiểu hoặc đăng ký tham gia các khóa rèn luyện các kỹ năng như nghiệp vụ hành chính văn phòng, văn thư lưu trữ, quản trị mạng cho doanh nghiệp.

Kỳ vọng: sinh viên cần giảm sự lý tưởng hóa và kỳ vọng khi bắt đầu công việc mới, hãy chấp nhận vị trí khởi nghiệp là một nhân viên bình thường, sau đó trải qua quá trình làm việc thực tế, tích lũy kinh nghiệm, tích cực học hỏi, từ đó sẽ dễ dàng có cơ hội thăng tiến và được ngời vào vị trí mà bạn mong muốn.

Tâm lý: hãy chấp nhận xa nhà, hãy tập thói quen tự lập, tập tính mạnh mẽ, hãy đưa ra thử thách cho bản thân để tìm cơ hội mới cho mình bằng cách xin việc ở các tỉnh khác, đặc biệt là tại các thành phố lớn như Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4.2. Đối với khoa - nhà trường

Để đáp ứng được với nhu cầu xã hội nói chung hay nhà tuyển dụng nói riêng việc đào tạo sinh viên cần đi sâu vào thực hành và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cái mới, bám sát vào công việc thực tế của nhà tuyển dụng, đảm bảo phương châm “học đi đôi với hành”. Vì thế cần phải có sự chỉ đạo kịp thời từ phía khoa và nhà trường

Về phía giảng viên, mỗi giảng viên phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, cải tiến nội dung giảng dạy sao cho phù hợp với nhu cầu phát triển của công nghệ, lựa chọn phương pháp dạy học hiệu quả để tránh gây nhàm chán từ phía người học, xây dựng đề cương môn học thiết thực hiệu quả, theo dõi đánh giá kết quả tự học của sinh viên, tổ chức kiểm tra đánh giá đúng chất lượng.

Khoa, Trường cần giữ mối liên hệ với các cựu sinh viên, đây là kênh thu thập nhu cầu tuyển dụng kịp thời và hiệu quả nhất. Thường xuyên thu thập thông tin đánh giá từ các cơ sở tuyển dụng để biết được sinh viên đã đáp ứng được nhu cầu thực tế việc làm của họ như thế nào. Dựa vào kết quả phản hồi từ nhà tuyển dụng sẽ là cơ sở để khoa định hướng xây dựng chương trình đào tạo phù hợp.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp kỹ năng mềm cho sinh viên như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phỏng vấn xin việc,... cho các lớp sinh viên năm cuối.

Nhà trường và khoa là cầu nối liên kết chặt chẽ với các nhà tuyển dụng để nắm bắt được nhu cầu và xu hướng tuyển dụng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều cơ hội để giao lưu, làm việc với các công ty, doanh nghiệp. Ngoài ra nhà trường và khoa nên tổ chức các buổi đối thoại giao lưu với các cựu sinh viên đã có việc làm ổn định để thu thập thêm thông tin về tình hình việc làm hoặc

mời cựu sinh viên thành đạt làm tư vấn về nhu cầu của các nhà tuyển dụng hiện nay.

3. Kết luận

Giải pháp tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp là vấn đề cấp thiết, đòi hỏi khoa và nhà trường cần tạo nhiều mối liên kết giữa các doanh nghiệp hoặc với các địa phương để thu thập thông tin về nhu cầu tuyển dụng. Đồng thời, mỗi sinh viên cần phải có ý thức tự giác chủ động trong việc học tập nhằm tích lũy các kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm trong việc tìm kiếm việc làm trước khi tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Books, *50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường*, NXB Lao động-Xã hội, 2012.
2. M. Hoa, *7 năng lực cần thiết của nhân viên*, NXB Hồng Đức, 2008.
3. H. N. Phiên, T. T. L. Anh, N. T. B. Ngọc, *Bí quyết thành công sinh viên*, NXB Tổng hợp TP HCM, 2012.
4. V. Thắng, *Top 10 kỹ năng mềm cho bạn trẻ*, Nhà xuất bản trẻ, 2011.
5. B. L. Thuỳ, *Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực bậc đại học và cao học thu viện thông tin trong không gian phát triển mới*, Trường Đại học KHXH&NV Tp. HCM.